TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2026
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lục Thị Lan;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24-7-2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2026/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị V, sinh năm 2003; Nơi thường trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở: Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ. Số căn cước công dân: 026303003602 - (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Số căn cước công dân: 024088009096 - (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, ý kiến trong hồ sơ vụ án chị Đỗ Thị V trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T đi làm công ty rồi quen nhau, tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 19/3/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn C, xã Đ. Đến năm 2023, anh T đi chấp hành án phạt tù về tội cố ý gây thương tích ở tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng tháng 9/2025, anh T chấp hành xong án phạt tù trở về, cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cháu A ở cùng bà nội còn cháu N cùng chị

V về nhà bà ngoại ở tỉnh Phú Thọ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Tháng 10/2025, anh T lên đón cháu N về. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Vân A, sinh ngày 06/11/2020 và Hoàng Bảo N, sinh ngày 29/8/2022 hiện đang sinh sống cùng ông bà nội và anh T. Khi ly hôn, chị V có nguyện vọng để anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản ý kiến ngày 20/7/2026, chị V thay đổi ý kiến đối với phần nuôi con chung, chị có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 29/8/2022 và giao cháu Hoàng Vân A, sinh ngày 06/11/2020 cho anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với các phần nội dung khác chị V giữ nguyên ý kiến.

* Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, đã xuống gia đình lấy ý kiến của anh Hoàng Văn T tuy nhiên anh T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã làm việc và giao các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ của anh T). Anh Hoàng Văn T không có văn bản ghi nhận ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2026 bà Nguyễn Thị L trình bày: Anh T và chị V có tự do tìm hiểu sau đó đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Cuộc sống ban đầu hạnh phúc nhưng đến khi anh T đi chấp hành án thì chị V đi làm ăn ở miền N, không đi thăm anh T được. Giữa năm 2025 khi anh T đi chấp hành án về thì anh T cho rằng chị V không quan tâm khi anh T chấp hành án, vợ chồng không còn tình cảm, anh T bảo chị V chuyển về gần nhà để vợ chồng cùng nhau làm ăn nhưng chị V không đồng ý, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình có khuyên ngăn nhưng không được. Về con chung: anh chị có 02 con chung hiện nay hai cháu đều đang ở cùng bà và anh T. Dạo gần đây anh T chuyển đến tỉnh Nam Định để làm ăn nên bà chăm sóc và đưa đón các cháu đi học. Các cháu hiện tại khỏe mạnh bình thường. Về tài sản chung, anh chị không có vì từ lúc cưới xong vẫn ở với bố mẹ. Nay chị V làm đơn ly hôn anh T, bà L để anh chị tự giải quyết. Bà có ý kiến về con chung là giao cho anh T nuôi các cháu vì các cháu hiện đang ở cùng bố và ông bà nội, các cháu được đi học gần nhà, thuận tiện cho các cháu được chăm sóc và phát triển sau này. Hiện tại, anh T có thu nhập khoảng 11.000.000 đồng/tháng, anh vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bà L để chăm sóc các cháu. Do công việc làm ăn ở xa, không thể đến Tòa án để làm việc hay nhận các văn bản của Tòa án nên anh T có nhờ bà nhận những văn bản của Tòa án và thông báo lại cho anh.

* Tại biên bản xác minh ngày 28/5/2026 chính quyền địa phương thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh cung cấp như sau: Chị V, anh T tự nguyện tìm hiểu và tự

nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh), lễ cưới được tổ chức theo phong tục truyền thống của địa phương. Địa phương không rõ chị V, anh T có mâu thuẫn như thế nào dẫn đến việc ly hôn. Nhưng năm 2023 thì anh T đi chấp hành án do vi phạm pháp luật về tội cố ý gây thương tích, từ đó chị V đi làm ăn xa nhà, không rõ chị V làm công việc gì, ở đâu, thỉnh thoảng vẫn thấy chị về nhà. Đợt anh T chấp hành án xong trở về nhà thì chị V cũng có về nhà. Địa phương có nắm được thông tin khi anh T chấp hành án xong thì anh T bảo chị V là không làm xa nhà nữa mà chuyển về gần nhà rồi 2 vợ chồng cùng nhau đi làm, nhưng có thể do nơi làm cũ làm ăn dễ nên chị V không đồng ý, anh T có nói nếu chị không về làm gần thì anh T sẽ ly hôn chị V. Về con chung: Giữa anh chị có 02 con chung là các cháu Hoàng Vân A và Hoàng Bảo N, các cháu khỏe mạnh bình thường, hiện nay đang chung sống cùng anh T và mẹ đẻ anh T. Dạo gần đây, anh T đi làm công ty, cụ thể ở đâu thì địa phương không rõ, dạo trước thấy mẹ đẻ anh T nói anh đi làm ở Hải Phòng, địa phương thấy ngày nghỉ lễ hay nhà có việc thì mới thấy anh T về nhà. Anh T đi làm công ty, về mức thu nhập trung bình hàng tháng của anh như nào địa phương không nắm được.

****** *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị V, xử cho chị V được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Vân A, sinh ngày 06/11/2020 cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 29/8/2022 cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng. Chị V, anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị V, anh T thực hiện quyền này.

- Về án phí: chị V phải chịu 300.000đ tiền án phí HNGĐST nhưng trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng đã nộp, ghi nhận chị V đã nộp đủ án phí

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị V xin ly hôn anh T; Anh T có địa chỉ cư trú tại xã Đ, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị V, anh T. Chị V vắng mặt có đơn xin vắng mặt còn anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V, anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị V, anh T có sự tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19/3/2021 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình.

Qua lời khai của chị V, bà L (mẹ anh T), kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: vợ chồng chị V, anh T bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chị V, anh T đã sống ly thân từ tháng 09/2025 đến nay không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Có căn cứ để xác định vợ chồng chị V, anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu thương, tôn trọng và chung sống cùng nhau theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị V được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về việc nuôi con:

Lời khai của chị V về con chung phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của bà L (mẹ đẻ anh T). Chị V và anh T có 02 con chung là

cháu Hoàng Vân A, sinh ngày 06/11/2020 và cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 29/8/2022. Hiện nay, cả hai cháu đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn, chị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Bảo N và giao cháu Hoàng Vân A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T hiện đi làm ăn và không thường xuyên có mặt tại nhà; trong khi cháu Hoàng Bảo N còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp và tình cảm của người mẹ. Chị V có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu N, còn cháu Vân A tiếp tục được giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc giao mỗi người trực tiếp nuôi một con phù hợp với nguyện vọng của chị V, điều kiện chăm sóc con thực tế của các bên. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cháu Hoàng Bảo N cho chị Đỗ Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Hoàng Vân A cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Không ai yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết về vấn đề này.

- Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về việc nuôi con: Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi cháu Hoàng Vân A, sinh ngày 06/11/2020 và giao cho chị Đỗ Thị V trực tiếp nuôi cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 29/8/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

3. Về tiền án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003474 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Đỗ Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Thảo